

Mã đề thi 602

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 1: 像小李那样强壮, 也吃不消这个活儿。

- A. 不消化 B. 不想干 C. 受不了 D. 不习惯

Câu 2: 别急, 你听完再说, 先别那么激动。

- A. 生气 B. 热情 C. 高兴 D. 感动

Câu 3: 家长的话, 你总是左耳朵进, 右耳朵出, 你就是稍微听听也不至于如此啊!

- A. 不理解 B. 怀疑 C. 不接受 D. 听进去了

Câu 4: 二十几年前中国的普通家庭能有台电视机就已经算是很不错的了, 目前在一般城市里, 谁家没有一两台彩电呢?

- A. 今年 B. 从前 C. 将来 D. 当今

Câu 5: 在二十一世纪的今天, 人人都应该懂得讲文明、讲礼貌的重要性。

- A. 议论 B. 解释 C. 重视 D. 说

Câu 6: 他这个人很细心, 做起事来简直没治了, 你们就一百个放心吧!

- A. 治不好了 B. 没希望 C. 非常好 D. 很严重

Câu 7: 记得去年校庆时, 学校宣传部搞了一次“我爱母校”正文大赛。

- A. 举办 B. 拍摄 C. 宣传 D. 参加

Câu 8: 这所老房子从外面看并不起眼, 却是鲁迅先生住过的地方, 现在成了纪念馆。

- A. 很不好看 B. 非常普通 C. 很看不起 D. 不能不看

Câu 9: 他向来喜欢别人宠着他, 听不进去不同的意见。

- A. 有时 B. 近来 C. 经常 D. 一向

Câu 10: 我来找你, 没有什么要紧的事儿, 只是聊聊罢了。

- A. 可是 B. 只好 C. 总是 D. 仅仅是

Câu 11: 这次妻子二话没说就答应让我给四川灾区捐款。

- A. 没有任何反对 B. 说得不清楚 C. 一直不肯说 D. 没说两句话

Câu 12: 这种药副作用大得很, 吃多了会伤身的, 你还是尽量少吃吧!

- A. 有利作用 B. 表面作用 C. 不好的作用 D. 本身的作用

Câu 13: 中文底子不好, 学中医是很困难的。

- A. 基础 B. 能力 C. 成绩 D. 水平

Câu 14: 旧的教育体制下培养出来的学生容易缺乏个性和自我。

- A. 只为自己 B. 没有独立的想法 C. 忘了自己 D. 缺乏新思想

Câu 15: 你放心, 新年的钟声一响他准给我们来电话。

- A. 马上 B. 肯定 C. 准备 D. 准时

Chọn thanh điệu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống.

Câu 16: Phiên âm đúng của từ 空白 là: _____.

- A. kōngbai B. kòngbai C. kōngbái D. kòngbái

Câu 17: Phiên âm đúng của từ 胡同 là: _____.

- A. hútōng B. hùtong C. hútong D. hútóng

Câu 18: Phiên âm đúng của từ 盼望 là: _____.

- A. pānwāng B. pànwāng C. pānwàng D. pànwàng

Câu 19: Phiên âm đúng của từ 仿佛 là: _____.

- A. fāngfú B. fāngfu C. fángfù D. fāngfú

Chọn thanh mẫu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống.

Câu 20: Phiên âm đúng của từ 佩服 là: _____ èifú.

- A. p B. f C. b D. d

Câu 21: Phiên âm đúng của từ 产量 là: _____ ànliàng.

- A. c B. ch C. s D. sh

Câu 22: Phiên âm đúng của từ 陆续 là: lù _____ ù.

- A. sh B. x C. c D. s

Chọn vận mẫu và thanh điệu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống.

Câu 23: Phiên âm đúng của từ 贫乏 là: p _____ fá.

- A. íng B. án C. ín D. én

Câu 24: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: qiǎnb _____.

- A. áo B. ó C. uó D. á

Câu 25: Phiên âm đúng của từ 消耗 là: x _____ hào.

- A. iāo B. iēo C. āo D. iào

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau từ câu 26 đến câu 35.

我家住在北宁，爸爸是医生，妈妈是作家，一家三口人过着(26)_____的生活。

我的家庭很民主，每个家庭成员(27)_____年龄大小，谁说得对就听谁的。一次，我拿着字典纠正了妈妈的(28)_____字。妈妈立刻说：“你这个妈妈还是作家呢，写起字来竟这么(29)_____, 真惭愧！”

我在班上算得上是学习挺好的，喜欢帮助同学，热爱劳动，应该说有不少(30)_____, 老师也常常表扬我。但我有时也犯一些小(31)_____, 对此，爸爸妈妈从不包庇，总是耐心地给我讲(32)_____. 有一次，我和同学一起在一个学习不好的女同学本子上乱画。父母知道后十分(33)_____. 爸爸说不能只看别人的短处，也要看别人的长处，欺负弱者是可耻的。听了爸爸的(34)_____, 我十分后悔地哭了。第二天，我买了新本子送给那个女同学，并(35)____道了歉，请她原谅。从那以后我再也不欺负别人了。

我生活在一个很普通但却很幸福的家庭里，父母都很爱我。我要好好努力，长大做一个诚实、健康、对社会有用的人。

Câu 26: A. 兴奋 B. 乐观 C. 快乐 D. 高兴

Câu 27: A. 即使 B. 虽然 C. 不论 D. 只要

Câu 28: A. 差 B. 坏 C. 错 D. 误

Câu 29: A. 弱点 B. 好看 C. 毛病 D. 马虎

- | | | | |
|----------------------|-------|-------|-------|
| Câu 30: A. 优势 | B. 优点 | C. 优秀 | D. 优美 |
| Câu 31: A. 错误 | B. 问题 | C. 缺点 | D. 不对 |
| Câu 32: A. 理由 | B. 道理 | C. 理论 | D. 真 |
| Câu 33: A. 生气 | B. 反对 | C. 感动 | D. 讨厌 |
| Câu 34: A. 批判 | B. 评论 | C. 批评 | D. 评价 |
| Câu 35: A. 当时 | B. 当地 | C. 当然 | D. 当面 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 36: 现在全家人一起学汉语的越来越多, 拿我的朋友来说, 他们家连70岁的奶奶也学起汉语来了。

- A. 副词 B. 连词 C. 动词 D. 介词

Câu 37: 黎老师教育孩子自己的事情自己做。

- A. 连词 B. 代词 C. 名词 D. 助词

Câu 38: 今天太热了, 把窗户打开, 凉快凉快吧!

- A. 名词 B. 动词 C. 形容词 D. 副词

Câu 39: 今天出门时, 我碰上了一起交通事故。

- A. 动词 B. 副词 C. 名词 D. 量词

Câu 40: 每个人要都能奉献一点儿爱, 世界就将会变成美好的人间。

- A. 连词 B. 名词 C. 副词 D. 动词

Tù 4 vị trí A, B, C, D cho trước trong các câu sau, chọn vị trí đúng cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 41: 桂林我A去过一次, B有机会的话, C想再D去一次。 (才)

Câu 42: A我B也不知道他C为什么D这样对待我。 (究竟)

Câu 43: 他A比我B走C了D五分钟, 可晚到了十分钟。 (早)

Câu 44: 这两个A小孩, 一个B十岁, 另一个年纪小C才五岁D。 (的)

Câu 45: 大家A都以为B他会看中青青, C可他D和小玲好上了。 (偏)

Câu 46: 我们A要求对方B提供C更详细的资料, 可是对方一直D没有回音。 (再三)

Câu 47: 只学习A知识, 而不经过B实践锻炼, C是适应不了现代社会D的。 (书本)

Câu 48: A今天所讨论的这些问题B比上次的C更D复杂。 (不会)

Câu 49: 孩子A想B跟我的同事们一起C去百货公司D买东西。 (要)

Câu 50: 今年A几个城市B过年的C气氛像北京D那么热闹。 (没有)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 51: 他舍己救人的精神深深地打动了我, _____。

- A. 根据了他的事迹于是我写一篇小说 B. 于是我写一篇小说了根据他的事迹
C. 我写一篇小说于是根据他的事迹了 D. 于是我根据他的事迹写了一篇小说

Câu 52: 这种说法_____没有科学根据, 不过总还有点儿道理。

- A. 即使 B. 难免 C. 固然 D. 只要

Câu 53: 虽然我怀疑是他偷了钱, 但_____没有证据, 所以暂时还不能把他怎么样。

- A. 终于 B. 然后 C. 到底 D. 毕竟

Câu 54: 随着绿化面积的不断增多, _____。

- A. 逐步得到改善已城市环境质量 B. 城市环境质量已逐步得到改善
C. 城市质量环境已得到逐步改善 D. 得到城市环境质量已逐步改善

Câu 55: 在我们饭店，不允许服务员_____客人要小费。

- A. 从 B. 对 C. 向 D. 往

Câu 56: 他们不习惯这里的生活，我们_____。

- A. 要尽量给他们提供方便 B. 尽量提供方便要给他们
C. 尽量提供要方便给他们 D. 要提供方便尽量给他们

Câu 57: 前天我在外文书店买了_____商务刚刚出版的书。

- A. 十本来 B. 十多本 C. 十本多 D. 十本几

Câu 58: 我们班长能写一_____很漂亮的钢笔字。

- A. 把 B. 口 C. 张 D. 手

Câu 59: _____没有那么多热心人的支持与鼓励，_____不会有今天的我。

- A. 如果……就…… B. 因为……所以……
C. 无论……也…… D. 虽然……却……

Câu 60: 我只知道他是北大的教授，_____他研究什么，我就不清楚了。

- A. 至少 B. 假如 C. 至于 D. 尽管

Câu 61: 我戴上新眼镜向四周望望，这个世界_____变得清楚起来了。

- A. 有点儿 B. 一次 C. 一点儿 D. 一下子

Câu 62: 我以为走这条路近一点儿，没想到_____更远。

- A. 反而 B. 但是 C. 而且 D. 从而

Câu 63: 她真是个能干的人，_____能管理工厂，_____能料理家务。

- A. 或者……或者…… B. 除了……都……
C. 不是……就是…… D. 既……又……

Câu 64: 在不久的将来，越南人将可以收看到数十套_____上百套电视节目。

- A. 甚至 B. 更 C. 而且 D. 或者

Câu 65: 专家做_____的调查表明，越来越多的人喜欢晚婚晚育。

- A. 了 B. 着 C. 过 D. 得

Câu 66: 他大老远地来到北京，_____你不去看他，_____也该打个电话问候一下儿吧！

- A. 只有……才…… B. 即使……至少……
C. 果然……就…… D. 因为……所以……

Câu 67: 别人叫她阿姨，她_____很不高兴。

- A. 搞得 B. 显得 C. 干得 D. 弄得

Câu 68: 晓明在周末的时候参加了一个书法学习班，_____了自己的业余生活。

- A. 丰富 B. 很增加 C. 增加 D. 很丰富

Câu 69: 他挑选了半天，_____。

- A. 也没买到一件毛衣喜欢的 B. 也没买到一件喜欢的毛衣
C. 没买到一件毛衣也喜欢的 D. 也不买到一件喜欢的毛衣

Câu 70: 《兄弟》这部小说_____卖得快，_____内容很好。

- A. 是因为……之所以…… B. 因为……所以……
C. 由于……所以…… D. 之所以……是因为……

Câu 71: 听说我们非常希望他回母校讲课，他很_____地接受了我们的邀请。

- A. 高兴 B. 高高兴 C. 高高兴兴 D. 高兴高兴

Câu 72: 阮经理心理上的压力是_____紧张的工作而造成的。

- A. 于 B. 由 C. 为 D. 为了

Câu 73: 学生们正在谈论_____的情况。

- A. 这次运动会夺取金牌在他们班上 B. 他们班在这次运动会上夺取金牌
C. 他们班上夺取金牌在这次运动会 D. 他们班夺取金牌在这次运动会上

Câu 74: 你_____已经开始做了，那_____把它做到底吧！

- A. 即使……也……
- B. 不但……而且……
- C. 既然……就……
- D. 既……又……

Câu 75: _____是你自己错了，为什么就不能说一声“对不起”呢？

- A. 明白
- B. 是否
- C. 明明
- D. 明确

Câu 76: 事情来得太_____, 她一点儿心理准备都没有。

- A. 忽然
- B. 猛然
- C. 突然
- D. 居然

Câu 77: 警察把丢失的孩子送回了家，父母_____得流下了眼泪。

- A. 感谢
- B. 激烈
- C. 动人
- D. 感激

Câu 78: 老师有事没来，今天的语文课没有_____。

- A. 上好
- B. 成功
- C. 上去
- D. 上成

Câu 79: 当你的朋友遇到困难时，你应该_____帮助他。

- A. 伸出手来
- B. 出来伸手
- C. 伸手出来
- D. 伸出来手

Câu 80: 妈妈辛辛苦苦地工作，_____给我们姐妹提供一个较好的环境。

- A. 所以
- B. 因为
- C. 以致
- D. 为的是

----- HẾT -----